

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO GOLDCARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 05/2021-TCSP

1. **Sản phẩm:** Thực phẩm bảo vệ sức khỏe **DUNG DỊCH DẠ DÀY NANO ANPHAGEL**

2. **Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CÔNG NGHỆ CAO GOLDCARE

Địa Chỉ: Km12 ĐT379, Bình Phú, Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

3. **Trạng thái sản phẩm**

- Dạng bào chế: Dạng lỏng
- Màu sắc: Vàng đến nâu
- Mùi vị: Mùi thơm, vị ngọt

4. **Thành phần cấu tạo**

765mg cao khô hỗn hợp tương đương thảo mộc thô:

(Nghệ: 3000mg

Lá khô: 1500mg

Dạ cảm: 1500mg

Chè dây: 900mg

Cam thảo: 450mg

Bình vôi: 300mg)

Bột Ô tặc cốt: 300mg

(Tương đương 600mg ô tặc cốt)

Bột tam thất: 300mg

(Tương đương 600mg tam thất)

Mật ong: 200mg

Aluminum hydroxide: 150mg

Magie hydroxide: 120mg

Meriva (Curcuma phospholipid, curcuminoid 18%) : 100mg

Chlorophyll: 100mg

Bột gừng (Zingiber officinale): 50mg

(Tương đương 100mg gừng)

Chiết xuất keo ong (Propolis extract): 30mg

(Tương đương 300mg keo ong)

Simethicone: 50mg

Immunecanmix (Từ vách tế bào: Lactobacillus rhamnosus, Saccharomyces cerevisiae và Maltodextrin): 10mg

Nano curcumin 10%: 5mg

Piperin: 5mg

Phụ liệu: Chất bảo quản (Nipazin, Nipazol), Đường Isomalt, chất nhũ hóa - Propylene Glycol, Chất tạo ngọt (Sorbitol, Glycerin), Chất tạo gel - Natri carboxymethyl cellulose, chất tạo đặc - Avicel, Nước tinh khiết vừa đủ 10ml.

5. **Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
----	--------------	-------------	-------------

1.	Lá khô	Định tính	Dương tính
2.	Chè dây	Định tính	Dương tính
3.	Dạ cẩm	Định tính	Dương tính
4.	Cam thảo	Định tính	Dương tính
5.	Ô tặc cốt	Định tính	Dương tính
6.	Simethicone	Mg/10ml	50 ± 20%
7.	Alumium hydroxide	Mg/10ml	150 ± 20%
8.	Magie hydroxide	Mg/10ml	120 ± 20%
9.	Curcuminoid	Mg/10ml	≥ 14,8

6. Chỉ tiêu an toàn

6.1. Giới hạn về vi sinh vật

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	<i>E.coli</i>	MPN /ml	3
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	Cfu /ml	10 ⁴
3	<i>Clostridium perfringens</i>	Cfu /ml	10
4	<i>Coliform</i>	Cfu /ml	10
5	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	Cfu/ml	10 ²

6.2. Giới hạn về kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	ppm	3,0
2	Cadimi (Cd)	ppm	1,0
3	Thủy ngân (Hg)	ppm	0,1

7. Hướng dẫn sử dụng: (Theo nhãn đính kèm)

8. Chất liệu bao bì, quy cách đóng gói

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong gói thiếc bên ngoài là bao bì cứng đảm bảo vệ sinh, đạt yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

Quy cách đóng gói:

Gói: 10ml ± 7,5%. Hộp : (5, 10, 15, 18, 20, 24, 25, 30) gói.

9. Thời hạn sử dụng

36 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên nhãn chính của sản phẩm.

10. Hướng dẫn bảo quản

Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. Nguyễn Văn Duyệt